

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-12-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hoài Phong

Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thùy D - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp “ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 436/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1957, nơi cư trú: Thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1957, nơi cư trú: Số A đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung đề ngày 16/5/2024, 13/8/2024 và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Lê Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1978 ông và bà Phạm Thị P quen biết, tự nguyện tìm hiểu đến năm 1979 hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1979 tại địa chỉ số A, đường N, phường N, thành phố Q. Từ khi sống chung cho đến nay ông và bà P không đăng ký kết hôn (ông đã làm đơn xin xác nhận yêu cầu Ủy ban nhân dân phường N xác nhận vợ chồng ông không đăng ký kết hôn nhưng chỉ được cung cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân). Vợ chồng có 02 người con là chị Lê Phạm Phương N, sinh ngày 04/9/1980 và anh Lê Khánh

L sinh ngày 14/9/1986. Năm 2017, phát sinh mâu thuẫn, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, nay ông thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà P.

Về con chung: Có hai con là chị Lê Phạm Phương N, sinh ngày 04/9/1980 và anh Lê Khánh L sinh ngày 14/9/1986. Hai con đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2024 bị đơn bà Phạm Thị Phương trình B:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Lê Thanh T tự nguyện đến với nhau và tổ chức lễ cưới năm 1978 và chung sống với nhau từ năm 1979 tại địa chỉ số nhà A đường N, phường N, thành phố Q nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống với nhau trên 40 năm, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, đến tháng 02 năm 2024 cho đến nay ông T có người khác, ra sống riêng và từ đó hai vợ chồng không nói chuyện được với nhau. Nay ông T khởi kiện ly hôn thì bà không đồng ý vì vợ chồng sống hơn 40 năm, còn tình, còn nghĩa còn trách nhiệm hai bên.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà thống nhất như ông T trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo được quyền lợi của các đương sự trong vụ án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 40 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của: ông Lê Thanh T; về quan hệ hôn nhân: ông Lê Thanh T được ly hôn bà Phạm Thị P; về con chung: có 02 con chung tên Lê Phạm Phương N (sinh ngày 04/9/1980) và Lê Khánh L (sinh ngày 14/9/1986), hai con đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết; về phần án phí: Ông T thuộc diện được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Thanh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Phạm Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh T và bà Phạm Thị P đều trình bày năm 1979, cả hai tự nguyện tìm hiểu được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và chung sống với nhau tại địa chỉ số A N, phường N, thành phố Q nhưng không đăng ký kết hôn. Theo văn bản số 358/UBND ngày 09/10/2024 của Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q cung cấp: “Từ năm 1977 đến nay thì không có hồ sơ đăng ký kết hôn của ông Lê Thanh T và bà Phạm Thị P” (Bút lục 46) và văn bản số 324/UBND ngày 30/8/2024 Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q cung cấp: “Sổ bộ H chỉ lưu trữ từ năm 1989 đến nay, trước năm 1989 không còn lưu trữ hồ sơ không có thông tin đăng ký kết hôn của ông Lê Thanh T, sinh ngày 20/10/1957, CCCD số 051057006750 với bà Phạm Thị P, sinh ngày 10/4/1957, CMND số 210100882; theo giấy tờ, tài liệu do công dân cung cấp: Ông Lê Thanh T và bà Phạm Thị P có đăng ký thường trú tại địa chỉ số A N, phường N, thành phố Q (HSHK số 2367, quyển 36) từ ngày 14/6/1976 do bà Phạm Thị P làm chủ hộ, ông Lê Thanh T là chồng” (Bút lục 44). Như vậy, có cơ sở xác định ông Lê Thanh T chung sống với bà Phạm Thị P từ năm 1979 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, khoản 2 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính Phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000 thì trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn tuy có vi phạm về thủ tục kết hôn nhưng không coi là việc kết hôn trái pháp luật, do đó quan hệ hôn nhân của ông Lê Thanh T và bà Phạm Thị P là hợp pháp.

Ông T yêu cầu ly hôn với bà P vì cho rằng ông, bà phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, hiện nay ông, bà không sống chung cùng nhau. Bà P không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng sống với nhau trên 40 năm và không có mâu thuẫn gì lớn nhưng bà thừa nhận từ tháng 02/2024 ông T có người khác và ra sống riêng cho đến nay, từ khi ông T bỏ đi thì hai vợ chồng không nói chuyện được với nhau. Như vậy, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và cho ông T ly hôn với bà P.

[2.2] Về con chung: Có hai con là chị Lê Phạm Phương N, sinh ngày 04/9/1980 và anh Lê Khánh L sinh ngày 14/9/1986. Hai con đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Lê Thanh T và bà Phạm Thị P đều trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.4] Về nợ chung: Ông Lê Thanh T và bà Phạm Thị P đều trình bày không có.

[3] Về án phí: Ông Lê Thanh T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi về thủ tục tố tụng và nội dung là phù hợp với nhận định đã nêu của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 40 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh T được ly hôn bà Phạm Thị P
- Về con chung: Có hai con là chị Lê Phạm Phương N, sinh ngày 04/9/1980 và anh Lê Khánh L sinh ngày 14/9/1986. Hai con đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Ông Lê Thanh T và bà Phạm Thị P đều trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Ông Lê Thanh T và bà Phạm Thị P đều trình bày không có.
- Về án phí: Ông Lê Thanh T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND phường Nguyễn Nghiêm,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tp Quảng Ngãi;
- UBND xã Nghĩa Hà, Tp Quảng Ngãi;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thị Thanh Như

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND p.Nguyễn Nghiêm, tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Như

